

Họ và tên:

Lớp:

TOÁN 5 – BÀI 23: NHÂN CHIA SỐ THẬP PHÂN VỚI 10, 100, 1000 ... HOẶC VỚI 0,1; 0,01

Bài 1. Tính nhẩm theo từng mũi tên rồi điền số thích hợp vào các ô trống.



Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ trống trong các phép đổi đơn vị.

a) $11230,73\text{ml} = \dots\dots\dots\text{l}$

b) $14017,41\text{g} = \dots\dots\dots\text{kg}$

c) $7668\text{cm} = \dots\dots\dots\text{m}$

d) $3211\text{mm} = \dots\dots\dots\text{cm}$

Bài 3. Điền số thích hợp để hai biểu thức có kết quả bằng.

a) $695,759 : 0,001 = 695,759 \times \dots\dots\dots$

b) $30914,1 : 0,1 = 30914,1 \times \dots\dots\dots$

c) $395,485 : 0,01 = 395,485 \times \dots\dots\dots$

d) $88940,1 : 0,001 = 88940,1 \times \dots\dots\dots$

Bài 4. Điền số thích hợp vào chỗ trống trong các phép đổi đơn vị.

a) $3980,87\text{cm} = \dots\dots\dots\text{m}$

b) $14097,4\text{ml} = \dots\dots\dots\text{l}$

c) $2954,5\text{mm} = \dots\dots\dots\text{cm}$

d) $13283,9\text{g} = \dots\dots\dots\text{kg}$

Bài 5. Mỗi phép tính dưới đây cần điền một số để giá trị cuối cùng bằng số ban đầu. Hãy điền số thích hợp.

a) $561047,991 : 0,01 : \dots\dots\dots = 561047,991$

b) $398435,72 : 0,001 : \dots\dots\dots = 398435,72$

c) $161221,8 : 0,1 : \dots\dots\dots = 161221,8$

d) $968287,73 : 0,001 : \dots\dots\dots = 968287,73$

Bài 6. Điền hệ số thích hợp vào chỗ trống để kết quả cuối cùng trở về số ban đầu.

a) $5120144,77 \times 0,001 \times \dots\dots\dots = 5120144,77$

b) $1157912,03 \times 0,01 \times \dots\dots\dots = 1157912,03$

c) $1929784,95 \times 0,01 \times \dots\dots\dots = 1929784,95$

d) $5097936,01 \times 0,1 \times \dots\dots\dots = 5097936,01$

Bài 7. Điền số thích hợp để hai phép tính có kết quả bằng nhau.

- a) $680\,116,59 \times 0,1 = 680\,116,59 : \dots \dots \dots$
 b) $6576 \times 0,01 = 6576 : \dots \dots \dots$
 c) $287\,125,701 \times \dots \dots \dots = 287\,125,701 : 1000$
 d) $671\,537 \times \dots \dots \dots = 671\,537 : 100$

Bài 8. Điền dấu $>$, $<$ hoặc $=$ thích hợp vào ô trống.

- a) $568077,8 \times 0,01 \dots 568077,8 : 100$ b) $461920,5 \times 0,001 \dots 461920,5 : 100$
 c) $92919,548 : 100 \dots 92919,548 : 10$ d) $210\,038 : 0,01 \dots 210\,038 \times 100$

Bài 9. Nối các phép chia nhằm với phép nhân có kết quả bằng nhau.

49,626 : 0,01 1299,4 : 0,1 814,65 : 0,1
 671,91 : 0,01 87 148 : 0,001
 814,65 $\times$ 10 671,91 $\times$ 100 87 148 $\times$ 1000
 49,626 $\times$ 100 1299,4 $\times$ 10

Bài 10. Một cuộn dây dài 15,1 m được cắt thành các đoạn bằng nhau, mỗi đoạn dài 0,1 m. Cắt được bao nhiêu đoạn dây như vậy?

Trình bày phép tính tìm số đoạn và ghi đáp số.

Bài giải

.....

Bài 11. Một kho lương thực có 7261,784 kg gạo. Số gạo đó được chia đều vào 1000 bao. Mỗi bao có bao nhiêu kg gạo?

Trình bày phép tính tìm số đo của mỗi phần và viết đáp số.

Bài giải

.....

---HẾT---